Viện trưởng Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước phối hợp với Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ kiện toàn tổ chức Viện Thi đua - Khen thưởng Nhà nước. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn về tổ chức, biên chế Phòng Thi đua khen thưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ban Thi đua - Khen thưởng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 35. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Thay thế Nghị định số 104/CP ngày 18/07/1963, Nghị định số 80/CP ngày 13/05/1964 của Hội đồng Chính phủ; Nghị định số 53/HĐBT ngày 25/02/1985 và Nghị định số 247/HĐBT ngày 23/09/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ).

Điều 36. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/07/1998 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 10 tháng 05 năm 1997;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định chi tiết việc thi hành Luật Thương mại về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trong hoạt động thương mại với nước ngoài; gia công và đại lý mua bán hàng hóa của thương nhân Việt Nam với thương nhân nước ngoài.

Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các văn bản pháp luật khác có liên quan và những quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Nghị định này, những từ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là hoạt động mua, bán hàng hóa của thương nhân Việt Nam với thương nhân nước ngoài theo các hợp đồng mua bán hàng hóa, bao gồm cả hoạt động tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và chuyển khẩu hàng hóa.

2. Gia công hàng hóa với thương nhân nước ngoài là việc thương nhân Việt Nam, doanh nghiệp được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam nhận gia công hàng hóa tại Việt Nam cho thương nhân nước ngoài hoặc đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài.

3. Đại lý mua, bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài là việc thương nhân Việt Nam là bên đại lý bán hàng tại Việt Nam cho thương nhân nước ngoài hoặc là bên đại lý mua hàng tại Việt Nam cho thương nhân nước ngoài để xuất khẩu hoặc sản xuất tại Việt Nam để xuất khẩu.

Chương II

XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

MỤC 1. QUY ĐỊNH VỀ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Thương nhân được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này.

Điều 4. Hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

1. Ban hành kèm theo Nghị định này Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (Phụ lục số 1).

Việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu do Chính phủ phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại sau khi đã bàn thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan.

2. Các mặt hàng thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu chỉ được phép xuất khẩu, nhập khẩu trong trường hợp đặc biệt khi được phép của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện.

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hạn ngạch hoặc hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại hoặc Bộ quản lý chuyên ngành.

2. Ban hành kèm theo Nghị định này Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện (Phụ lục số 2).

3. Việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện do Chính phủ phê duyệt trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại sau khi đã bàn thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan.

4. Vào đầu quý IV hàng năm, Bộ Thương mại chủ trì cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nguyên tắc điều hành xuất nhập khẩu cho năm kế hoạch tiếp theo đối với các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, theo hướng giảm dần Danh mục hàng hóa này và dùng thuế để điều tiết.

Điều 6. Hàng hóa tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và chuyển khẩu.

Hàng hóa kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập và chuyển khẩu do Bộ trưởng Bộ Thương mại quy định tại quy chế riêng sau khi đã bàn thống nhất với các Bộ, ngành liên quan và theo đúng thông lệ quốc tế.

Điều 7. Tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ quyết định tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu với một thị trường nhất định hoặc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu với những mặt hàng nhất định để thực hiện quyền tự vệ theo pháp luật và thông lệ quốc tế.

Bộ Thương mại thông báo với các tổ chức kinh tế quốc tế, khu vực, các nước liên quan theo thủ tục đã thỏa thuận (nếu có) khi Chính phủ có quyết định cụ thể về việc tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

MỤC 2. QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 8. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

1. Thương nhân là doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của pháp luật được phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo ngành nghề đã đăng ký trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Các chi nhánh tổng công ty, công ty được xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa theo ủy quyền của tổng giám đốc tổng công ty, giám đốc công ty, phù hợp với nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổng công ty, công ty.

3. Trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, doanh nghiệp phải đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu tại Cục hải quan tỉnh, thành phố.

Tổng cục Hải quan xây dựng hệ thống mã số nói trên và hướng dẫn việc đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Điều 9. Xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác.

1. Thương nhân có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đã đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu được ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phù hợp với nội dung của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Thương nhân đã đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu được nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa phù hợp với nội dung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Việc ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu và việc nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện do Bộ Thương mại hướng dẫn cụ thể.

4. Nghĩa vụ và trách nhiệm của bên ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu và bên nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu được quy định cụ thể trong hợp đồng ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu do các bên tham gia ký kết thỏa thuận.

Điều 10. Hiệp hội ngành hàng xuất khẩu, nhập khẩu.

Thương nhân kinh doanh cùng ngành hàng, không phân biệt thành phần kinh tế, được phép thành lập Hiệp hội ngành hàng xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở tự nguyện để phối hợp hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên, đồng thời bảo đảm lợi ích quốc gia.

Bộ Thương mại ban hành quy chế thành lập và hoạt động của các Hiệp hội ngành hàng xuất khẩu, nhập khẩu sau khi bàn thống nhất với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan.

Chương III

GIA CÔNG VỚI THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

MỤC 1. NHẬN GIA CÔNG CHO THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

Điều 11. Quy định chung.

Thương nhân Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế được phép nhận gia công cho thương nhân nước ngoài, không hạn chế số lượng, chủng loại hàng gia công. Đối với hàng gia công thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu và tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu, thương nhân chỉ được ký hợp đồng sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bộ Thương mại.

Điều 12. Hợp đồng gia công.

Hợp đồng gia công phải được lập thành văn bản và bao gồm các điều khoản sau:

a) Tên, địa chỉ của các bên ký hợp đồng;

b) Tên, số lượng sản phẩm gia công;

c) Giá gia công;

d) Thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán;

đ) Danh mục, số lượng, trị giá nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu và nguyên liệu, phụ liệu, vật tư sản xuất trong nước (nếu có) để gia công; định mức sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư; định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu trong gia công;

e) Danh mục và trị giá máy móc, thiết bị cho thuê, cho mượn hoặc tặng cho để phục vụ gia công (nếu có);

g) Biện pháp xử lý phế liệu, phế thải và nguyên

tắc xử lý máy móc, thiết bị thuê mượn, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa sau khi kết thúc hợp đồng gia công;

h) Địa điểm và thời gian giao hàng;

i) Nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa;

k) Thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

Điều 13. Định mức sử dụng, định mức tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, phụ liệu, vật tư.

Định mức sử dụng, định mức tiêu hao và tỷ lệ hao hụt nguyên liệu, phụ liệu, vật tư do các bên thỏa thuận trong hợp đồng gia công. Giám đốc doanh nghiệp nhận gia công chịu trách nhiệm về việc sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu vào đúng mục đích gia công; trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Điều 14. Thuê, mượn, nhập khẩu máy móc, thiết bị của bên đặt gia công để thực hiện hợp đồng gia công.

1. Bên nhận gia công được thuê, mượn máy móc, thiết bị của bên đặt gia công để thực hiện hợp đồng gia công. Việc thuê, mượn hoặc tặng máy móc, thiết bị phải được thỏa thuận trong hợp đồng gia công.

2. Việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, kể cả máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để thực hiện hợp đồng gia công phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về nhập khẩu công nghệ và quản lý xuất nhập khẩu.

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ của bên đặt và nhận gia công.

1. Đối với bên đặt gia công:

a) Giao toàn bộ hoặc một phần nguyên liệu vật tư gia công theo thỏa thuận tại hợp đồng gia công;

b) Nhận và đưa ra khỏi Việt Nam toàn bộ sản phẩm gia công, máy móc, thiết bị cho thuê hoặc mượn; nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, phế liệu sau khi thanh lý hợp đồng gia công, trừ trường hợp được phép tiêu thụ, tiêu hủy, tặng theo quy định tại Nghị định này;

c) Được cử chuyên gia đến Việt Nam để hướng dẫn kỹ thuật sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm gia công theo thỏa thuận trong hợp đồng gia công;

d) Chịu trách nhiệm về quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, tên gọi xuất xứ hàng hóa. Trường hợp nhãn hiệu hàng hóa và tên gọi xuất xứ hàng hóa đã được đăng ký tại Việt Nam thì phải có giấy chứng nhận của Cục Sở hữu công nghiệp Việt Nam;

đ) Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động gia công và các điều khoản của hợp đồng gia công đã được ký kết.

2. Đối với bên nhận gia công:

a) Được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư tạm nhập khẩu theo định mức để thực hiện hợp đồng gia công;

b) Được thuê thương nhân khác gia công;

c) Được cung ứng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, phụ liệu, vật tư để gia công theo thỏa thuận trong hợp đồng gia công và phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với phần nguyên, phụ liệu, vật tư mua trong nước;

d) Được nhận tiền thanh toán của bên đặt gia công bằng sản phẩm gia công, trừ sản phẩm thuộc Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, cấm xuất khẩu. Đối với sản phẩm thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về hoạt động gia công, xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất hàng hóa trong nước và các điều khoản của hợp đồng gia công đã được ký kết.

Điều 16. Thủ tục hải quan.

Căn cứ nội dung hợp đồng gia công đã được các bên ký kết theo quy định tại Điều 12 Nghị định này, cơ quan hải quan làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu và theo dõi việc xuất, nhập khẩu liên quan đến hợp đồng gia công.

Điều 17. Gia công chuyển tiếp.

1. Gia công chuyển tiếp là hình thức gia công mà sản phẩm gia công của hợp đồng gia công này được sử dụng làm nguyên liệu gia công cho hợp đồng gia công khác.

2. Sản phẩm gia công của hợp đồng gia công công đoạn trước được giao theo chỉ định của bên đặt gia công cho hợp đồng gia công công đoạn tiếp theo.

3. Thủ tục giao, nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm gia công thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

Điều 18. Thanh lý, thanh khoản hợp đồng gia công.

1. Khi kết thúc hợp đồng gia công hoặc hợp đồng gia công hết hiệu lực, các bên ký hợp đồng gia công phải thanh lý hợp đồng và làm thủ tục thanh khoản hợp đồng với cơ quan hải quan.

Đối với các hợp đồng gia công có thời hạn trên 1 năm thì hàng năm, bên nhận gia công phải thanh khoản hợp đồng với cơ quan hải quan.

2. Căn cứ để thanh lý và thanh khoản hợp đồng gia công là lượng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư nhập khẩu, lượng sản phẩm xuất khẩu theo định mức sử dụng nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, định mức vật tư tiêu hao và tỷ lệ hao hụt đã được thỏa thuận tại hợp đồng gia công.

3. Sau khi kết thúc hợp đồng gia công, máy móc, thiết bị thuê, mượn theo hợp đồng, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa, phế phẩm, phế liệu được xử lý theo thỏa thuận của hợp đồng gia công và phải được Bộ Thương mại chấp thuận.

4. Việc tiêu hủy các phế liệu, phế phẩm (nếu có) phải được thực hiện dưới sự giám sát của cơ quan hải quan. Trường hợp không được phép hủy tại Việt Nam thì phải tái xuất cho bên đặt gia công.

5. Việc tặng máy móc, thiết bị, nguyên, phụ liệu, vật tư, phế liệu, phế phẩm được quy định như sau:

a) Bên đặt gia công phải có văn bản tặng;

b) Bên được tặng phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định về xuất nhập khẩu; phải nộp thuế nhập khẩu (nếu có) và đăng ký tài sản theo quy định hiện hành;

c) Được Bộ Thương mại chấp thuận.

MỤC 2. ĐẶT GIA CÔNG HÀNG HÓA Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 19. Quy định chung.

1. Thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đều được đặt gia công ở nước ngoài các loại hàng hóa đã được phép lưu thông trên thị trường Việt Nam để kinh doanh theo quy định của pháp luật.

2. Việc xuất khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư để gia công và nhập khẩu sản phẩm gia công phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xuất nhập khẩu.

3. Hợp đồng đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài và thủ tục hải quan đối với xuất nhập khẩu hàng hóa đặt gia công theo quy định tại Điều 12 và Điều 16 Nghị định này.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đặt gia công hàng hóa ở nước ngoài.

1. Được tạm xuất khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư hoặc chuyển khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư từ nước thứ 3 cho bên nhận gia công để thực hiện hợp đồng gia công.

2. Được tái nhập khẩu sản phẩm đã gia công. Khi kết thúc hợp đồng đặt gia công, được tái nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư dư thừa.

3. Được bán sản phẩm gia công và máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư đã xuất khẩu để thực hiện hợp đồng gia công tại thị trường nước nhận gia công hoặc thị trường khác và phải nộp thuế theo quy định hiện hành.

4. Được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, nguyên liệu, phụ liệu, vật tư, tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu và sản phẩm gia công nhập khẩu; nếu không tái nhập khẩu thì phải nộp thuế xuất khẩu theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Đối với nguyên liệu, phụ liệu, vật tư mua tại nước ngoài để gia công mà sản phẩm gia công được nhập khẩu thì phải chịu thuế nhập khẩu theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

5. Được cử chuyên gia, công nhân kỹ thuật ra nước ngoài để kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm gia công.

Chương IV

ĐẠI LÝ MUA, BÁN HÀNG HÓA CHO THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI

Điều 21. Điều kiện để thương nhân Việt Nam làm đại lý mua, bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài.

1. Thương nhân Việt Nam được phép làm đại lý mua, bán hàng hóa cho thương nhân nước ngoài khi có đăng ký kinh doanh ngành hàng phù hợp với mặt hàng đại lý.

2. Nếu làm đại lý bán hàng, thương nhân Việt Nam phải mở tài khoản riêng tại ngân hàng để thanh toán tiền hàng bán đại lý theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thương nhân có thể thanh toán bằng hàng không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu có điều kiện. Trường hợp thanh toán bằng hàng thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu có điều kiện phải được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nếu làm đại lý mua hàng, thương nhân Việt Nam phải yêu cầu thương nhân nước ngoài chuyển tiền bằng ngoại tệ có khả năng chuyển đổi được qua ngân hàng để thương nhân Việt Nam mua hàng theo hợp đồng đại lý.

Điều 22. Mặt hàng đại lý.

1. Thương nhân có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định này được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

2. Đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có điều kiện, thương nhân chỉ được ký hợp đồng đại lý trong phạm vi số lượng hoặc giá trị hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

Điều 23. Hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài.

Việc ký kết và thực hiện hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài phải tuân thủ các quy định về đại lý mua, bán hàng hóa tại Mục 6 Chương II Luật Thương mại.

Điều 24. Nghĩa vụ về thuế.

1. Hàng hóa thuộc hợp đồng đại lý mua, bán phải chịu thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thương nhân Việt Nam có trách nhiệm đăng ký, kê khai, nộp các loại thuế và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến hàng hóa thuộc hợp đồng đại lý mua - bán và hoạt động kinh doanh của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu.

Hàng hóa thuộc hợp đồng đại lý mua, bán với thương nhân nước ngoài khi xuất khẩu, nhập khẩu do thương nhân Việt Nam làm thủ tục như đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Nghị định này.

Điều 26. Trả lại hàng.

Hàng hóa thuộc hợp đồng đại lý bán hàng tại Việt Nam cho thương nhân nước ngoài phải tái xuất khẩu nếu không tiêu thụ được tại Việt Nam. Việc hoàn thuế được thực hiện theo các quy định của pháp luật về thuế của Việt Nam.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Xử lý các vi phạm của thương nhân.

Thương nhân vi phạm các quy định tại Nghị định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Xử lý các vi phạm của cán bộ, công chức nhà nước.

Cán bộ, công chức nhà nước nếu có hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của Nghị định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản thi hành.

1. Nghị định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ những quy định trước đây trái với những quy định tại Nghị định này.

2. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm cung cấp số liệu về các doanh nghiệp đã đăng ký mã số kinh doanh xuất nhập khẩu, về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu theo danh mục mặt hàng, thị trường và những số liệu xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa liên quan cho Bộ Thương mại theo quy định do Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan thỏa thuận.

3. Bộ Thương mại phối hợp với Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị định này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

Phụ lục 1

DANH MỤC HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU, CẤM NHẬP KHẨU

(ban hành kèm theo Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/07/1998 của Chính phủ).

I. MẶT HÀNG CẤM XUẤT KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự.

2. Đồ cổ.

3. Các loại ma túy.

4. Hóa chất độc.

5. Gỗ tròn, gỗ xẻ, gỗ bóc, củi, than từ gỗ hoặc củi, các sản phẩm gỗ sản xuất từ nhóm IA và bán tinh chế sản xuất từ nhóm gỗ IIA trong Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/01/1992; song mây nguyên liệu.

6. Các loại động vật hoang và động vật, thực vật quý hiếm tự nhiên.

II. MẶT HÀNG CẤM NHẬP KHẨU

1. Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị kỹ thuật quân sự.

2. Các loại ma túy.

3. Hóa chất độc.

4. Các loại văn hóa phẩm đồi trụy, phản động.

5. Pháo các loại. Đồ chơi trẻ em có ảnh hưởng xấu đến giáo dục nhân cách, đến trật tự an toàn xã hội.

6. Thuốc lá điếu (trừ hành lý cá nhân theo định lượng).

7. Hàng tiêu dùng đã qua sử dụng (trừ tài sản di chuyển bao gồm cả hàng hóa phục vụ nhu cầu của các cá nhân thuộc thân phận ngoại giao của các nước, các tổ chức quốc tế và hành lý cá nhân theo định lượng).

8. Ôtô và phương tiện tự hành các loại có tay lái nghịch (kể cả dạng tháo rời).

9. Phụ tùng đã qua sử dụng của các loại ôtô, xe hai bánh và ba bánh gắn máy, kể cả khung gầm có gắn động cơ ôtô các loại đã qua sử dụng./.

Phụ lục 2

DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CÓ ĐIỀU KIỆN

(ban hành kèm theo Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/07/1998 của Chính phủ).

I. HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CÓ HẠN NGẠCH

1. Gạo;

2. Hàng hóa theo hạn ngạch do các tổ chức kinh tế và nước ngoài ấn định đối với Việt Nam.

II. HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU CÓ GIẤY PHÉP

A. Hàng hóa nhập khẩu.

3. Xăng dầu;

4. Phân bón;

5. Xe 2 bánh gắn máy và linh kiện lắp ráp đồng bộ;

6. Xe ôtô du lịch từ 12 chỗ ngồi trở xuống;

7. Sắt thép;

8. Xi măng;

9. Đường tinh luyện, đường thô nguyên liệu;

10. Giấy viết, giấy in các loại;

11. Rượu;

12. Kính xây dựng;

13. Hàng hóa quản lý chuyên ngành theo danh mục được Chính phủ phê duyệt.

B. Hàng hóa xuất khẩu.

14. Hàng hóa quản lý chuyên ngành theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt./.

NGHỊ QUYẾT của Chính phủ số 09/1998/NQ-CP ngày 31/07/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Trong những năm gần đây, Chính phủ đã có nhiều biện pháp cấp bách tăng cường bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới; các Bộ, các ngành, các cấp và toàn thể nhân dân đã tích cực hưởng ứng và tham gia, tình hình trật tự an toàn xã hội nói chung đã có những chuyển biến tích cực, đạt được những kết quả nhất định, góp phần ổn định tình hình chung của đất nước.

Tuy nhiên, tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay vẫn có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Cơ cấu thành phần tội phạm có những thay đổi, đối tượng phạm tội là người lao động chiếm 70%, trong đó 30% không có việc làm; số thanh niên phạm tội chiếm tỷ lệ ngày càng cao. Đặc biệt là tình trạng phạm tội có tổ chức như tham nhũng, buôn lậu, mua bán phụ nữ, xâm hại trẻ em... phạm tội có sử dụng bạo lực, cướp của, giết người, chống người thi hành công vụ, đâm thuê, chém